

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Thúy Mai
2, Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đức Chính – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 263/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, phường D, thành phố T, Thái Nguyên

+ Bị đơn: **Anh Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, phường V, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 12/4/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc C kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/6/2013 và Nguyễn Lê Yến N, sinh ngày 30/9/2015. Chị có nói chuyện với anh C về việc nuôi con thì anh C muốn nuôi con Nguyễn Hải Đ, tuy nhiên, nếu anh C không đến Tòa án giải quyết vụ án hoặc không có ý kiến gì thì chị xin nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị H trình bày: Hiện chị đang ở Hà Nội là vùng có dịch Covid-19, chị không về được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn xin ly hôn và lời khai đã cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại Biên bản làm việc của Tòa án tại tổ 12 (nay là tổ 7), phường V, thành phố T, bà Trần Thị L - Tổ trưởng Tổ dân phố nơi anh C cư trú có liên lạc trực tiếp với anh C qua điện thoại, anh C cho biết anh đang ở Hà Nội. Anh không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Anh C cho biết anh bận làm việc, không tham gia giải quyết ly hôn với chị H tại Tòa án được và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với cháu Nguyễn Hải Đ là con chung của chị H và anh C, cháu Đ thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H, cho chị H được ly hôn anh C. Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại tổ 12, nay là tổ 7, phường V, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Ngọc C nhưng do anh C vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Ngọc C.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Thị Thanh H và anh Nguyễn Ngọc C kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản làm việc của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, chị H và anh C thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Mặt khác, anh C đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình nhưng anh không có ý kiến gì thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh C đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo

dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/6/2013 và Nguyễn Lê Yến N, sinh ngày 30/9/2015. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con trong trường hợp anh C không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, do anh C không cung cấp lời khai, không có ý kiến gì bằng văn bản thể hiện có nguyện vọng nuôi con hay không nên không có căn cứ giao con cho anh C. Vì vậy, cần thiết giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con lớn là Nguyễn Hải Đ. Đối với con thứ hai chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không xem xét, lấy ý kiến của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong quá trình nuôi dưỡng, nếu thấy cần thiết, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/6/2013 và Nguyễn Lê Yến N, sinh ngày 30/9/2015. Giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về việc cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do chị H không yêu cầu. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000474 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TPTN;
- UBND phường Túc Duyên;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)